TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2022
V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều;

2. Ông Lê Anh Chiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Đỗ Huỳnh Thanh Tân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ T – sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp NH, xã HĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Ngọc Đ – sinh năm 1981.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TH, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú; Ấp ALT, xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T có mặt tại phiên tòa;

Anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ cưới nhau vào năm 2008, do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã HĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống, đến năm 2016 khi chị mang thai con thứ 2 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác và anh Đ đã bỏ đi từ năm 2016 cho đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Minh T1 – sinh ngày 16/7/2008 và Nguyễn Thanh T2 – sinh ngày 03/12/2016. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng 02 con chung. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn anh Đ vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến.*

* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ. Về con chung, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị rút lại yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, nay chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T đối với anh Đ. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tại phiên tòa chị T rút lại yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T đối với anh Đ. Về tài sản chung và nợ chung, chị T trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Đ đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TH, xã TT, huyện TPĐ, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên, hiện nay anh Đ không ở tại địa chỉ đăng ký thường trú mà anh Đ đăng ký tạm trú tại ấp ALT, xã XĐ, huyện CG, tỉnh Tiền Giang từ năm 2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn anh Đ đang tạm trú tại huyện Chợ Gạo nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

[3] Bị đơn anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ không đến tham dự phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Đ.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ, Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh Đ tự nguyện cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Sau khi cưới, chị T và anh Đ sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác và vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh Đ đã có thời gian dài ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Đ nhưng anh Đ không đến tham dự phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T chứng tỏ anh Đ không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Đ.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh Đ có 02 con chung tên Nguyễn Minh T1 – sinh ngày 16/7/2008 và Nguyễn Thanh T2– sinh ngày 03/12/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và anh Đ không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của chị T. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị T.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T rút lại yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T rút lại yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T đối với anh Đ.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày giữa chị và anh Đ không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy những phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mỹ T đối với anh Nguyễn Ngọc Đ.

Chị Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

2/ Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung của chị T. Giao 02 con chung tên Nguyễn Minh T1 – sinh ngày 16/7/2008 và Nguyễn Thanh T2 – sinh ngày 03/12/2016 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung của chị T.

4/ Án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0005092 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, nên chị T đã thi hành xong.

5/ Chị T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Đ được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Chợ Gạo, TG;
- UBND xã Hòa Định, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh